

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019-2020

Khoa: Điện - Điện tử

S TT	LỚP	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Cao đẳng														
Ngành: Điện công nghiệp														
1	17C1-ĐCN1	44		0	0,00	0	0,00	24	54,55	20	45,45	0	0,00	0
2	17C1-ĐCN2	47		0	0,00	1	2,13	41	87,23	5	10,64	0	0,00	0
3	17C1-ĐCN3	33		0	0,00	0	0,00	33	100,00	0	0,00	0	0,00	0
4	17C1-ĐCN4	34		0	0,00	1	2,94	31	91,18	0	0,00	2	5,88	0
5	18C1-ĐCN1	40		3	7,50	3	7,50	3	7,50	31	77,50	0	0,00	0
6	18C1-ĐCN2	45		2	4,44	2	4,44	8	17,78	31	68,89	1	2,22	1
7	18C1-ĐCN3	36		0	0,00	3	8,33	10	27,78	23	63,89	0	0,00	0
8	18C1-ĐCN4	44		1	2,27	3	6,82	3	6,82	37	84,09	0	0,00	0
9	19C1-ĐCN1	57		5	8,77	5	8,77	19	33,33	23	40,35	3	5,26	2
10	19C1-ĐCN2	49		1	2,04	4	8,16	12	24,49	20	40,82	1	2,04	11
11	19C1-ĐCN3	32		2	6,25	1	3,13	7	21,88	18	56,25	0	0,00	4
CỘNG 11 Lớp		461	0	14	3,04	23	4,99	191	41,43	208	45,12	7	1,52	18
Ngành: Điện tử công nghiệp														
1	17C1-ĐTC1	19		0	0,00	1	5,26	16	84,21	1	5,26	1	5,26	0
CỘNG 01 Lớp		19	0	0	0,00	1	5,26	16	84,21	1	5,26	1	5,26	0
Ngành: Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử														
1	17C1-ĐĐT1	35	1	0	0,00	0	0,00	31	88,57	4	11,43	0	0,00	0
2	17C1-ĐĐT2	35	2	0	0,00	2	5,71	32	91,43	0	0,00	1	2,86	0
3	17C1-ĐĐT3	26		0	0,00	0	0,00	25	96,15	1	3,85	0	0,00	0



S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
4	17C1-ĐĐT4	31	1	0	0,00	1	3,23	20	64,52	10	32,26	0	0,00	0
5	18C1-ĐĐT1	38		23	60,53	9	23,68	6	15,79	0	0,00	0	0,00	0
6	18C1-ĐĐT2	38	1	16	42,11	13	34,21	7	18,42	2	5,26	0	0,00	0
7	18C1-ĐĐT3	45		2	4,44	9	20,00	9	20,00	25	55,56	0	0,00	0
8	19C1-ĐĐT1	53	2	4	7,55	5	9,43	18	33,96	20	37,74	0	0,00	6
9	19C1-ĐĐT2	57		1	1,75	1	1,75	10	17,54	34	59,65	0	0,00	11
10	19C1-ĐĐT3	40	2	1	2,50	4	10,00	9	22,50	21	52,50	0	0,00	5
11	18C2-ĐĐT1	72		0	0,00	3	4,17	15	20,83	28	38,89	3	4,17	23
12	19C2-ĐĐT1	38		0	0,00	0	0,00	7	18,42	21	55,26	9	23,68	1
CỘNG 12 Lớp		508	9	47	9,25	47	9,25	189	37,20	166	32,68	13	2,56	46
Ngành: Cơ điện tử														
1	17C1-CĐT1	36		0	0,00	1	2,78	31	86,11	4	11,11	0	0,00	0
2	18C1-CĐT1	59	1	4	6,78	5	8,47	10	16,95	38	64,41	0	0,00	2
3	19C1-CĐT1	45	1	3	6,67	5	11,11	14	31,11	21	46,67	0	0,00	2
CỘNG 03 Lớp		140	2	7	5,00	11	7,86	55	39,29	63	45,00	0	0,00	4
Ngành: CNKT điều khiển và Tự động hóa														
1	17C1-TĐH1	37		1	2,70	0	0,00	34	91,89	1	2,70	1	2,70	0
2	18C1-TĐH1	62		1	1,61	2	3,23	9	14,52	50	80,65	0	0,00	0
3	19C1-TĐH1	61		8	13,11	6	9,84	19	31,15	22	36,07	3	4,92	3
CỘNG 03 Lớp		160	0	10	6,25	8	5,00	62	38,75	73	45,63	4	2,50	3
Trung cấp														
Ngành: Điện Công nghiệp														
1	17T4-ĐCN1	43		0	0,00	0	0,00	7	16,28	36	83,72	0	0,00	0
2	18T4-ĐCN1	50		0	0,00	0	0,00	2	4,00	45	90,00	3	6,00	0
3	19T4-ĐCN1	39		0	0,00	0	0,00	5	12,82	34	87,18	0	0,00	0
4	19T4-ĐCN2	37		0	0,00	0	0,00	2	5,41	34	91,89	1	2,70	0
5	19T2-ĐCN1	34		1	2,94	0	0,00	0	0,00	21	61,76	3	8,82	9
6	18T7-ĐCN1	39	2	0	0,00	22	56,41	13	33,33	3	7,69	1	2,56	0
CỘNG 06 Lớp		242	2	1	0,41	22	9,09	29	11,98	173	71,49	8	3,31	9

S TT	LỚP	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Điện tử Công nghiệp														
1	17T4-ĐTC1	15	1	0	0,00	0	0,00	2	13,33	13	86,67	0	0,00	0
CỘNG 01 Lớp		15	1	0	0,00	0	0,00	2	13,33	13	86,67	0	0,00	0
Ngành: Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử														
1	17T4-ĐĐT1	33	1	0	0,00	0	0,00	3	9,09	30	90,91	0	0,00	0
2	18T4-ĐĐT1	38		0	0,00	1	2,63	7	18,42	28	73,68	2	5,26	0
3	19T4-ĐĐT1	35		1	2,86	0	0,00	3	8,57	28	80,00	3	8,57	0
4	19T4-ĐĐT2	31	1	1	3,23	1	3,23	3	9,68	24	77,42	1	3,23	1
CỘNG 04 Lớp		137	2	2	1,46	2	1,46	16	11,68	110	80,29	6	4,38	1
Ngành: Cơ điện tử														
1	18T4-CĐT1	37		10	27,03	6	16,22	6	16,22	15	40,54	0	0,00	0
2	19T4-CĐT1	41		0	0,00	1	2,44	7	17,07	33	80,49	0	0,00	0
CỘNG 02 Lớp		78	0	10	12,82	7	8,97	13	16,67	48	61,54	0	0,00	0
43	TỔNG CỘNG (43 LỚP)	1760	16	91	5,17	121	6,88	573	32,56	855	48,58	39	2,22	81



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2020

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV

Lê Xuân Thiện

- Từ TB trở lên 1640 93,18
- Yếu 39 2,22
- Không xếp loại 81 4,60

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh

